

ATF 110G-5

Sức nâng tối đa **110** tấn

Cần chính **13 - 52** m

Cần phụ **9.5 / 16.2 -30.1** m

Chiều cao nâng móc tối đa
bao gồm cần phụ **84** m

Khối lượng tổng:

60 tấn, tải trên mỗi trục **12** tấn

48 tấn, tải trên mỗi trục

10,4 / 10,4 / 10,4 / 8,4 / 8,4 tấn



Hình ảnh chỉ mang tính minh họa.

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



Công ty CP Tổng Công Ty Vĩnh Phú

Số 990 - Xa lộ Hà Nội - P. Bình Đa - Biên Hòa - Đồng Nai

ĐT: 02513 831 615 - Fax: 02513 836 836

Email: vinhphu@vitrac.vn - Website: www.vitrac.vn

Văn phòng, Kho hàng tại Hà Nội

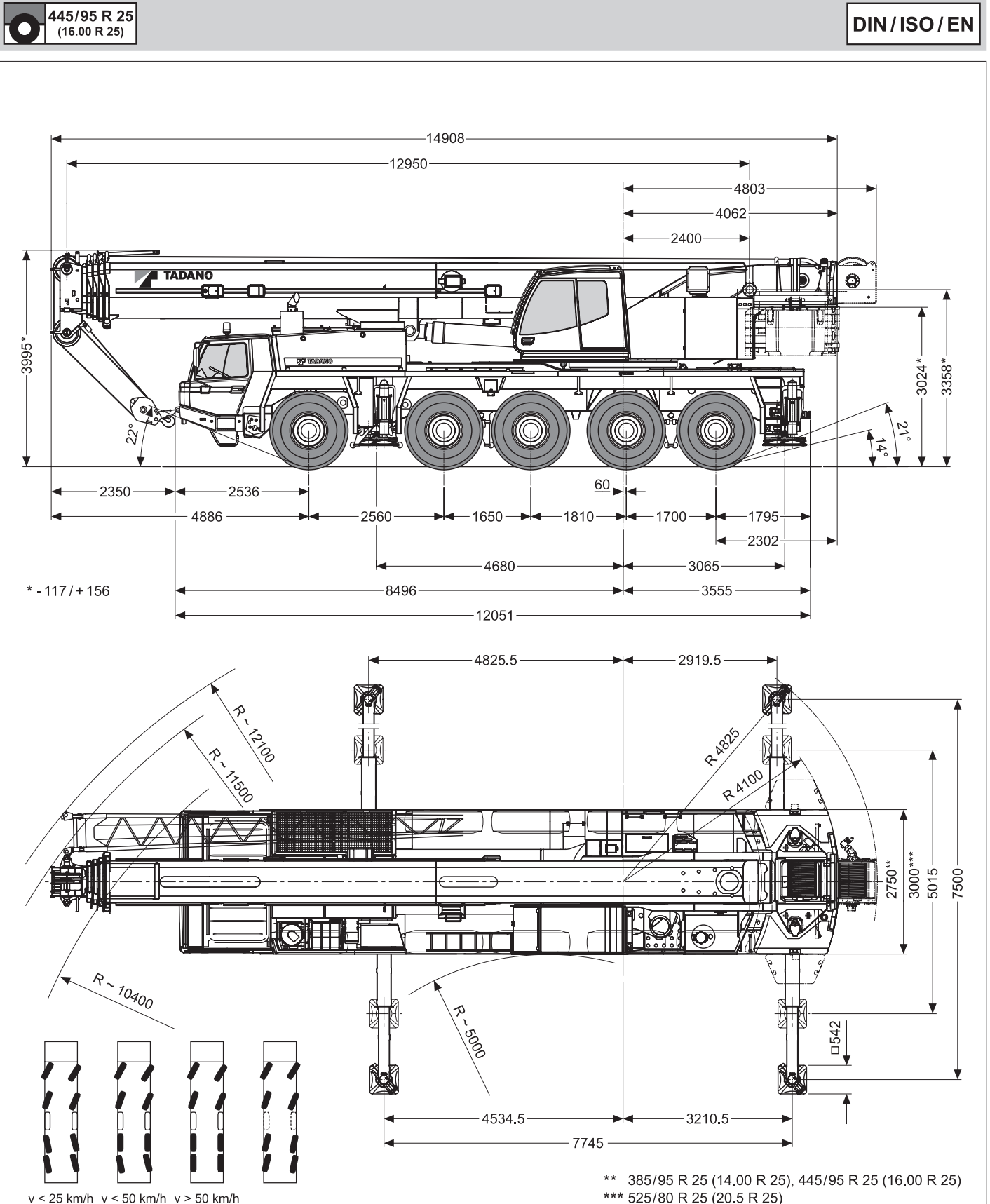
Lô 1 - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

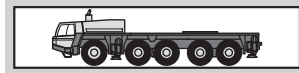
ĐT: 02435 562 277 - Fax: 02435 561 212

Email: vinhphuhanoi@vitrac.vn

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Kích thước (mm)





Khung: chống xoắn, kết cấu hàn từ thép hạt mịn, cường độ cao. Hệ thống bôi trơn trung tâm.

Các chân chống: 4 vị trí, thu đẩy chân chống bằng thủy lực, 2 hộp ống lồng với bộ điều khiển ở 2 bên của xe nền hay từ cabin. Tầm rộng chân chống 7.5 m (trung bình 5.0 m) x 7.74 m.

Động cơ xe nền: Mercedes-Benz 8 xi lanh, model OM 502 LA (Euromot III A/EPA III), động cơ diesel làm mát bằng nước. Công suất định mức 390 kW (530 HP) ở 1800 vòng/phút. Moment xoắn 2400 Nm (245 kpm) ở 1300 vòng/phút. Công suất định mức động cơ tuân theo 80/1269/EWG. Dung tích bình nhiên liệu 500 l.

Hộp số: ZF-AS-Tronic 16 AS 2602 hộp số cơ gắn với phanh interarder, li hợp khô được điều khiển bằng điện-khí nén và sang số tự động với 16 số tiến và 2 số lùi.

Hộp phân phối: 2 tầng.

Truyền lực: 10 x 6

Trục

Trục 1: chuyển hướng, bị động

Trục 2: chuyển hướng, chủ động.

Trục 3: không lái chuyển, bị động, trục nâng được.

Trục 4: chuyển hướng, chủ động với bộ khóa vi sai giữ các trục xe

Trục 5: chuyển hướng, chủ động.

Tất cả các trục chủ động với bộ khóa vi sai giữ 2 bánh xe

Hệ thống treo: thủy lực-khí nén cùng với bộ chỉnh thẳng bằng.

Hệ thống phanh: Phanh đĩa chính: hệ thống 2 mạch khí nén. Phanh đỗ xe: loại giữ tải bằng lò xo tác động lên trục 2, 4 và 5. Phanh phụ: phanh khí thải và phanh Intarder cùng với phanh giữ tốc độ động cơ.

Lốp: (10 lốp) 445/95 R 25 (16.00 R 25).

Hệ thống chuyển hướng: ZF-Servocom, 2 mạch thủy lực chuyển hướng với bơm trợ lái dự phòng, trợ lái bằng cơ khí thủy lực tác động lên 2 cầu trước và dẫn động trục 4 và 5 một cách tự động khi tốc độ di chuyển lên đến 25 km/h và trục 5 khi tốc độ di chuyển lên đến 50 km/h.

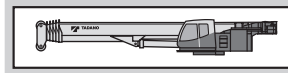
Cabin xe nền: cabin 2 người lái theo chiều rộng xe nền, làm từ vật liệu compozit (tấm thép kim loại và sợi thủy tinh), với kính an toàn, ghế nệm khí điều chỉnh được, bộ sưởi bằng hơi nước, radio / máy đĩa CD, tất cả các bộ điều khiển và đồng hồ cho di chuyển trên đường. Điều chỉnh tốc độ.

Hệ thống điện: Hệ thống DC 24V, 2 bộ ắc quy, hệ thống CAN-Bus với hệ thống tự chẩn đoán được tích hợp CSS, bộ đèn chiếu sáng khu vực chân chống. Hệ thống điện tương thích với quy định của Hội đồng kinh tế châu Âu.

Trang bị tùy chọn: (trả thêm phí)

Thiết bị kéo xe, máy sưởi không phụ thuộc vào động cơ và bộ hâm nóng động cơ, điều hòa không khí, truyền lực 10 x 8, hệ thống phanh ABS, các lốp 385/95 R 25 (14.00 R 25), 525/80 R 25 (20.5 R 25), bánh xe và lốp dự phòng, màu sơn và chữ viết đặc biệt (decal), hiển thị tải trên chân chống.

Trang thiết bị tùy chọn có sẵn khác tùy theo yêu cầu.



Khung Chống xoắn, được hàn bởi thép có độ bền cao. Được liên kết với xe nền bởi vòng bi xoay toa 1 lớp, có vành răng bên ngoài giúp xoay toa đủ vòng 360°. Hệ thống bôi trơn trung tâm.

Động cơ xe cầu: Mercedes-Benz 4 xi lanh model OM 904 LA (Euromot III A / EPA III), động cơ diesel làm mát bằng nước. Thay đổi tốc độ quay thông qua pedal chân ga. Công suất định mức 129 kW (175 HP) ở 2200 vòng/phút. Moment xoắn 675 Nm (69 kpm) ở 1200 - 1600 vòng/phút. Công suất định mức động cơ tuân theo DIN 6270B / DIN 6271. Dung tích bình nhiên liệu 320 l.

Hệ thống thủy lực: hệ thống thủy lực diesel 3 mạch với 1 bơm đôi dạng piston hướng trục được điều khiển bằng công suất và 1 bơm piston hướng trục.

Các điều khiển: Bảng điện, 2 tay điều khiển đảm bảo cho tất cả các chuyển động của cầu được vận hành đồng thời.

Thu đẩy cần chính: 5 đoạn làm bằng thép hạt mịn cường độ cao, gồm 1 đoạn gốc và 4 đoạn ống lồng thu đẩy bởi 1 xi lanh đơn. Tất cả các đoạn cần đều có thể đẩy ra dưới tác dụng của từng cấp tải nhất định. Dài 13.0 m đến 52.0 m. Đinh cần chính có 7 pulý.

Hệ thống nâng hạ cần: 1 xi lanh thủy lực tác động 2 chiều gắn với phanh và van chặn dầu.

Tời chính: mô tơ dạng piston hướng trục, tang tời tích hợp với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh và phanh nhiều đĩa giữ tải bằng lò xo được điều khiển bằng thủy lực và được tích hợp thêm bộ xoay tự do (tải không chúng khi nâng). Cáp tời với hệ thống luôn cáp dễ dàng "Super-Stop".

Hệ thống quay toa: mô tơ dạng piston hướng trục với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh 3 cấp, được trang bị phanh quay toa bằng chân hoặc tự động và phanh dừng quay toa. Mạch hở với chức năng xoay tự do. Tốc độ thay đổi trong phạm vi 0-1,7 vòng/phút.

Bộ đối trọng: Tổng 8,7/11.0 tấn phân chia được, tháo ra hay lắp lại nhờ vào xi lanh thủy lực được điều khiển bởi cabin cầu.

Cabin xe cầu: Cabin rộng rãi cấu tạo bởi vật liệu compozit với cửa sổ kính (phủ màu) an toàn, buồng lái có thể nghiêng được với ghế ngồi điều khiển được trên đệm thủy lực với bộ sưởi điện, máy sưởi không phụ thuộc vào động cơ và bộ hâm nóng động cơ, điều hòa không khí, radio / máy đĩa CD. Tất cả các thiết bị và đồng hồ đo đều hiển thị trên màn hình đồ họa LCD cho vận hành cầu.

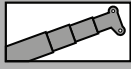
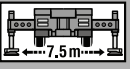
Hệ thống điện: Hệ thống DC 24V, 2 bộ ắc quy.

Các thiết bị an toàn: Thiết bị bảo moment tải (LMD), phong kè, hiển thị phạm vi làm việc, công tắc giới hạn hành trình nâng tải, công tắc giới hạn hành trình hạ móc, bộ hiển thị tang tời đang xoay, van an toàn ngăn ngừa sự cố đường ống, van chặn dầu trên xi lanh thủy lực.

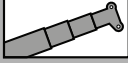
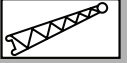
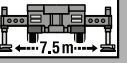
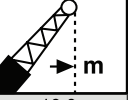
Trang bị tùy chọn: (trả thêm phí)

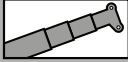
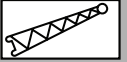
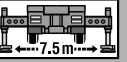
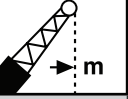
Cần phụ 9.5 m / 16.2 m đến 30.1 m, cần phụ tải nặng 3.5 m, đối trọng thêm tối đa 35 t, đối trọng thay đổi từ 0 t / 4.5 t / 20.8 t / 28.8 t, lựa chọn khối móc chính 10 t - 125 t, bộ giới hạn phạm vi quay, tời phụ (giống như tời chính), màu sơn và chữ viết đặc biệt (decal).

Trang thiết bị tùy chọn có sẵn khác tùy theo yêu cầu.

   35t DIN/ISO/EN											
 m	13.0 m*	13.0 m	17.4 m	21.9 m	26.4 m	30.9 m	35.4 m	39.9 m	44.4 m	48.9 m	52.0 m
3.0	110.0	95.0	80.0	67.0							
3.5	98.9	87.2	80.0	65.6							
4.0	91.8	80.4	77.6	64.3	50.0						
4.5	86.0	74.6	74.1	60.9	48.9						
5.0	77.8	69.5	69.0	57.4	47.8	36.0					
6.0	64.7	61.0	60.4	51.1	45.7	36.0	28.0				
7.0	55.1	54.2	53.6	47.0	43.3	36.0	28.0	22.0			
8.0	47.8	47.8	47.1	47.0	41.4	35.0	28.0	22.0	18.0		
9.0	42.1	42.1	42.7	42.8	39.6	34.0	26.9	22.0	18.0	14.0	
10.0	37.5	37.5	38.1	38.1	37.6	32.9	25.8	22.0	18.0	14.0	11.5
11.0			34.3	34.3	35.0	31.9	24.7	21.2	18.0	14.0	11.5
12.0			31.1	31.1	31.8	30.9	23.6	20.5	18.0	14.0	11.5
14.0			24.8	25.9	25.9	25.3	21.7	18.9	16.9	14.0	11.5
16.0				21.2	21.1	20.6	20.6	17.4	15.9	14.0	11.5
18.0				17.7	17.6	17.1	17.7	15.8	14.9	13.7	11.0
20.0					15.0	15.5	15.0	14.8	14.4	13.2	10.4
22.0					12.9	13.4	12.9	13.2	13.1	12.4	9.9
24.0						11.7	11.2	11.4	11.4	11.0	9.4
26.0						10.3	9.9	10.0	10.0	9.6	8.8
28.0						9.1	9.2	9.1	8.8	8.4	8.3
30.0							8.3	8.1	7.8	7.4	7.4
32.0							7.4	7.2	6.9	6.5	6.6
34.0								6.5	6.2	5.8	5.8
36.0								5.8	5.5	5.1	5.2
38.0									5.0	4.6	4.6
40.0									4.4	4.0	4.1
42.0										3.6	3.6
44.0										3.2	3.2
46.0										2.8	2.8
48.0											2.5

* Vùng phía sau

    35t DIN/ISO/EN												
	52.0 m + 9.5 m			52.0 m + 16.2 m			52.0 m + 24.1 m			52.0 m + 30.1 m		
	0°	20°	35°	0°	20°	35°	0°	20°	35°	0°	20°	35°
10.0	6.00											
11.0	6.00											
12.0	6.00											
14.0	6.00	6.00		4.50								
16.0	6.00	6.00	5.40	4.50			3.00			2.10		
18.0	6.00	6.00	5.20	4.50	4.00		3.00			2.10		
20.0	6.00	6.00	5.00	4.50	4.00		3.00	2.80		2.10		
22.0	6.00	5.90	4.90	4.50	3.80	2.55	3.00	2.60		2.10	2.00	
24.0	6.00	5.65	4.70	4.50	3.60	2.45	3.00	2.45		2.10	1.90	
26.0	5.55	5.25	4.60	4.50	3.40	2.35	2.90	2.35		2.10	1.75	
28.0	5.10	4.85	4.40	4.40	3.30	2.30	2.85	2.20	1.65	2.05	1.65	
30.0	4.70	4.50	4.30	4.20	3.10	2.20	2.75	2.10	1.60	2.05	1.55	1.10
32.0	4.30	4.15	4.10	3.85	3.00	2.15	2.60	2.00	1.50	2.00	1.50	1.05
34.0	3.95	3.85	3.80	3.60	2.85	2.10	2.40	1.90	1.50	1.85	1.40	1.00
36.0	3.65	3.55	3.55	3.35	2.70	2.05	2.25	1.80	1.45	1.70	1.30	1.00
38.0	3.40	3.30	3.30	3.10	2.60	2.00	2.10	1.75	1.40	1.60	1.25	0.95
40.0	3.15	3.05	3.05	2.90	2.50	1.95	2.00	1.65	1.35	1.50	1.20	0.90
42.0	2.90	2.85	2.85	2.70	2.40	1.90	1.90	1.60	1.35	1.40	1.15	0.90
44.0	2.70	2.65	2.65	2.50	2.35	1.85	1.75	1.50	1.30	1.30	1.10	0.85
46.0	2.50	2.50	2.50	2.30	2.25	1.85	1.70	1.45	1.25	1.25	1.00	0.85
48.0	2.20	2.30	2.35	2.15	2.15	1.80	1.60	1.40	1.25	1.15	1.00	0.80
50.0	1.90	2.00	2.00	2.00	2.00	1.80	1.50	1.35	1.20	1.10	0.95	0.80
52.0	1.60	1.70	1.70	1.85	1.85	1.75	1.45	1.30	1.20	1.00	0.90	
54.0	1.30	1.30	1.30	1.75	1.75	1.70	1.35	1.25	1.20	0.95	0.85	
56.0	1.00	1.10	1.00	1.50	1.65	1.65	1.30	1.20	1.15	0.90	0.80	
58.0				1.30	1.40	1.40	1.25	1.20	1.15	0.85	0.80	
60.0				1.10	1.20	1.10	1.15	1.15	1.10	0.80		
62.0							1.05	1.10	1.00			
64.0							0.95	1.05	0.90			

    35t DIN/ISO/EN												
	48.9 m + 9.5 m			48.9 m + 16.2 m			48.9 m + 24.1 m			48.9 m + 30.1 m		
	0°	20°	35°	0°	20°	35°	0°	20°	35°	0°	20°	35°
10.0	7.00											
11.0	7.00											
12.0	7.00	7.00										
14.0	7.00	7.00		5.10			3.20					
16.0	7.00	6.80	5.30	5.10	4.50		3.20			2.30		
18.0	7.00	6.60	5.10	5.10	4.50		3.20	2.90		2.30		
20.0	7.00	6.40	4.90	5.10	4.40	3.00	3.20	2.75		2.30		
22.0	7.00	6.20	4.80	5.10	4.20	2.90	3.20	2.55		2.30	2.00	
24.0	6.60	5.90	4.60	5.10	4.00	2.80	3.10	2.40		2.30	1.85	
26.0	6.25	5.60	4.50	5.00	3.80	2.70	2.95	2.25	1.65	2.20	1.75	
28.0	5.90	5.30	4.40	4.80	3.60	2.60	2.85	2.15	1.60	2.15	1.60	
30.0	5.60	5.10	4.30	4.70	3.40	2.55	2.65	2.05	1.55	2.05	1.55	1.10
32.0	5.35	4.90	4.20	4.40	3.30	2.45	2.45	1.95	1.50	1.90	1.45	1.05
34.0	5.10	4.70	4.10	4.10	3.10	2.40	2.30	1.85	1.45	1.75	1.35	1.00
36.0	4.85	4.50	4.00	3.90	3.00	2.35	2.15	1.75	1.40	1.65	1.30	0.95
38.0	4.40	4.30	3.90	3.70	2.90	2.30	2.00	1.65	1.35	1.50	1.20	0.95
40.0	3.90	4.10	3.80	3.50	2.75	2.25	1.90	1.60	1.35	1.40	1.15	0.90
42.0	3.40	3.60	3.70	3.30	2.65	2.20	1.80	1.55	1.30	1.30	1.10	0.85
44.0	3.00	3.10	3.20	3.10	2.55	2.15	1.70	1.45	1.25	1.25	1.05	0.85
46.0	2.60	2.70	2.80	3.00	2.50	2.15	1.60	1.40	1.25	1.15	1.00	0.80
48.0	2.20	2.30	2.30	2.70	2.40	2.10	1.50	1.35	1.20	1.10	0.95	0.80
50.0	1.90	2.00	2.00	2.40	2.35	2.10	1.40	1.30	1.20	1.00	0.90	
52.0	1.60	1.60	1.60	2.10	2.30	2.05	1.35	1.25	1.20	0.95	0.85	
54.0	1.30	1.30	1.20	1.90	2.00	2.00	1.30	1.20	1.15	0.90	0.80	
56.0	1.10	1.00		1.60	1.70	1.70	1.20	1.15	1.15	0.85	0.80	
58.0				1.40	1.40	1.40	1.15	1.15	1.10	0.80		
60.0				1.10	1.10	1.00	1.10	1.10	1.05			
62.0							1.00	1.05	1.00			